

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA NGÀNH DƯỢC VIỆT NAM

Thạc sĩ PHẠM THỊ VIỆT NGÀ

Sau thời gian dài hoạt động trong cơ chế bao cấp, ngành dược Việt Nam trong những năm gần đây đang phát triển. Kinh doanh dược phẩm hiện nay là một trong những ngành mang lại lợi nhuận cao – sự gia nhập vào ngành ngày càng lớn, tạo nên sự cạnh tranh gay gắt. Các doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh dược phẩm Việt Nam gặp nhiều khó khăn trên thương trường. Vì vậy, đánh giá và phân tích môi trường kinh doanh sẽ giúp họ tìm được những thời cơ, thế mạnh cũng như đánh giá được những điểm yếu, những mối đe dọa, từ đó đề ra chiến lược kinh doanh phù hợp hơn.

Trong những năm chuyển sang cơ chế thị trường, nền kinh tế nước ta phát triển, GDP tăng hàng năm, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, thu nhập dân cư tăng, người dân ngày càng quan tâm đến sức khỏe của mình hơn – mức độ tiêu dùng, đặc biệt chi tiêu cho thuốc men tăng cao hơn. Chính đây là yếu tố thuận lợi, là thời cơ cho các đơn vị sản xuất – kinh doanh dược phẩm Việt Nam. Nhưng chính đó cũng là dịp để nhiều đối thủ nhảy vào tham gia cạnh tranh ở thị trường dược phẩm Việt Nam.

Bảng 1: Mức tăng trưởng GDP qua các năm

Năm	1996	1997	1998	1999	2000
Chi tiêu					
1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) (tỷ đồng)	272.000	313.600	361.000	399.900	444.100
2. Tổng sản phẩm (GDP) bình quân đầu người (1.000đ)	3.717,55	4.218,12	4.779,79	5.220,84	5.716,64

Nguồn : Niên giám thống kê y tế 2000

Bảng 2 : Tỷ lệ chi y tế so với tổng chi ngân sách

Năm	1996	1997	1998	1999	2000
Chi tiêu					
Tổng chi ngân sách nhà nước (tỷ)	75.900	77.380	81.995	95.972	100.731
Ngân sách y tế (tỷ)	3.610	4.499	4.512,3	4.750,2	5.098,7
Tỷ lệ NS y tế so với GDP (%)	1,33	1,43	1,25	1,19	1,15
Tỷ lệ NS y tế so với tổng chi NS (%)	4,76	5,18	5,50	4,95	5,06
Ngân sách y tế bình quân đầu người (1.000 đ)	49,30	60,50	59,70	62,00	65,60

Nguồn : Niên giám thống kê y tế 2000

Bảng 3 : Tiền thuốc bình quân đầu người hàng năm.

Năm	Tiền thuốc bình quân đầu người (USD)	Năm	Tiền thuốc bình quân đầu người (USD)
1990	0,3	1996	4,6
1991	0,5	1997	5,2
1992	1,5	1998	5,5
1993	2,5	1999	5,0
1994	3,4	2000	5,4
1995	4,2		

Nguồn : Cục quản lý dược Việt Nam (Tổng kết 5 năm)

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế phát triển ổn định, chính sách tiền tệ cải tiến, lãi suất tiền vay ổn định và giảm nhiều so với trước đây, lạm phát đã được kiểm soát. Yếu tố này đã giúp ngành dược sử dụng hiệu quả vốn vay trong kinh doanh, mạnh dạn đầu tư trang thiết bị, đầu tư chiều sâu cho khoa học kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo uy tín nhãn hiệu trong người tiêu dùng, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Ngành dược Việt Nam hiện nay sử dụng rất nhiều nguyên vật liệu từ nhập khẩu, việc ổn định kinh tế, kiểm soát lạm phát sẽ giúp các nhà đầu tư ngày càng mạnh dạn đổi mới trang thiết bị, nhập nguyên liệu đầu tư lớn cho sản xuất, ổn định giá cả sản phẩm, thị trường cạnh tranh bình ổn và đi vào chiều sâu hơn. Tuy nhiên, từ năm 1998 cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á đã ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, tốc độ tăng trưởng giảm dần đến năm 1999. Tình trạng thiếu phát đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của người dân và sự phát triển của ngành dược Việt Nam.

Bên cạnh đó, sự ổn định chính trị, xã hội, hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh sẽ giúp các ngành phát triển. Các chính sách, chủ trương đường lối của Đảng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành.

Trong chiến lược phát triển ngành từ 2000 – 2020, Bộ y tế đề ra mục tiêu sản xuất dược phẩm trong nước đáp ứng 80% nhu cầu thuốc thông thường trong dân. Phần đầu tiên thuốc bình quân đầu người năm 2005 là 10 USD. Những chủ trương, chính sách, mục tiêu phát triển trên đã đặt ngành dược Việt Nam một vị trí quan trọng với nhiệm vụ hết sức nặng nề, nhưng cũng tạo một tiền đề thuận lợi cho ngành Dược Việt Nam phát triển.

Tuy nhiên, chính sách mở cửa, luật đầu tư nước ngoài thách thức sự cạnh tranh không cân sức giữa các doanh nghiệp dược Việt Nam với các tập đoàn, công ty dược phẩm nước ngoài sẽ là mối nguy cơ lớn đối với ngành dược Việt Nam, đặc biệt khi nước ta gia nhập AFTA.

Nhằm mục đích bảo hộ mậu dịch, phát huy nội lực, nâng cao khả năng sản xuất trong nước đáp ứng nhu cầu xã hội, Chính phủ, Bộ y tế, Cục quản lý dược Việt Nam đã

có những chính sách, quy định về công tác nhập khẩu, ngưng cấp giấy phép chuyển, dán nhãn phụ những sản phẩm không có số đăng ký. Điều này đã làm giảm bớt số lượng thành phẩm, đặc biệt những thành phẩm không có số đăng ký lưu hành trên thị trường Việt Nam. Mặt khác, cũng hạn chế những sản phẩm thông thường, generic trong nước có khả năng sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu.

Bảng 4 :Trị giá nhập khẩu qua các năm

Năm	Trị giá nhập khẩu (USD)	Năm	Trị giá nhập khẩu (USD)
1997	387.096.000	1999	361.250.000
1998	415.727.000	2000	397.935.000

Nguồn : Cục quản lý dược Việt Nam

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật còn chưa hoàn thiện, thậm chí mâu thuẫn lẫn nhau. Ví dụ: Luật doanh nghiệp thì mở rộng, khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh nhưng thông tư hành nghề y dược tư nhân thì ràng buộc rất nhiều qui định về kinh doanh dược phẩm. Dù không ra đời cùng một lúc, nhưng cả hai đang có hiệu lực song hành gây khó khăn cho người thực thi.

Ngày 4.3.1998, Bộ y tế có Chỉ thị 04 về tiết kiệm chi tiêu trong bệnh viện, khuyến khích dùng thuốc trong nước chất lượng cao, là thời cơ cho các doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập vào khu vực bệnh viện và bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, cho đến tháng 9.2001 chỉ thị chưa thực sự có hiệu lực, dù rất nhiều doanh nghiệp đã đầu tư lớn để sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao. Trong lúc đó, các công ty, tập đoàn nước ngoài với số vốn khổng lồ, chính sách quảng cáo khuyến mại ồ ạt ngày càng chiếm lĩnh thị phần điều trị, mặc dù sản phẩm giá rất cao so với sản phẩm sản xuất tại Việt Nam cùng loại, đang là thách thức lớn của ngành dược Việt Nam.

Về thuế suất: dù đã từng bước cải tiến nhưng còn nhiều bất hợp lý. Đặc thù của dược phẩm có quá nhiều chủng loại phục vụ cho sản xuất một sản phẩm, nhiều nguyên liệu, tá dược kể cả bao bì trong nước chưa sản xuất được hoặc có sản xuất được nhưng kỹ thuật chưa cao, chưa đạt yêu cầu nhưng thuế nhập khẩu cao, ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm và khả năng nâng cao chất lượng, hình thức sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thương trường.

Thêm vào đó, ở nước ta hàng năm lực lượng lao động tăng gần 1 triệu, chỉ số phát triển dân số bình quân 1,66%, tạo cho doanh nghiệp có nguồn lực dồi dào và một lực lượng tiêu thụ thuốc ngày càng đông. Bên cạnh đó, thu nhập và đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên, con người quan tâm đến sức khoẻ hơn, ngân sách nhà nước và mỗi gia đình dành cho y tế được nâng lên. Đây chính là cơ hội để ngành dược Việt Nam mở rộng sản xuất đáp ứng nhu cầu.

Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước cùng với sự phát triển xã hội đã phát sinh những bệnh tật mới như cao huyết áp, tiểu đường, tim mạch v.v... đòi hỏi các nhà sản xuất dược Việt Nam phải đầu tư cho các công tác nghiên cứu và phát triển đưa ra thị trường những sản phẩm mới phù hợp mô hình bệnh tật mới. Mặt khác, tuổi thọ bình quân của nước ta đang tăng lên rõ rệt, điều này đặt ra vấn đề chăm sóc sức khoẻ người già và thuốc cho người già với ngành y tế Việt Nam và các nhà sản xuất - kinh doanh dược phẩm Việt Nam.

Nước ta ở vùng nhiệt đới, nóng ẩm, một năm có 4 mùa thay đổi khí hậu, mô hình bệnh tật cũng thay đổi từng mùa. Sự tàn phá rừng, tình trạng đô thị hoá và tập trung dân cư cũng tác động đến sức khoẻ con người, tác động trực tiếp đến nhu cầu sử dụng thuốc, các doanh nghiệp phải nắm bắt tình hình kịp thời, cung ứng thuốc men phù hợp.

Điều kiện tự nhiên nhiệt đới rất thuận lợi cho việc

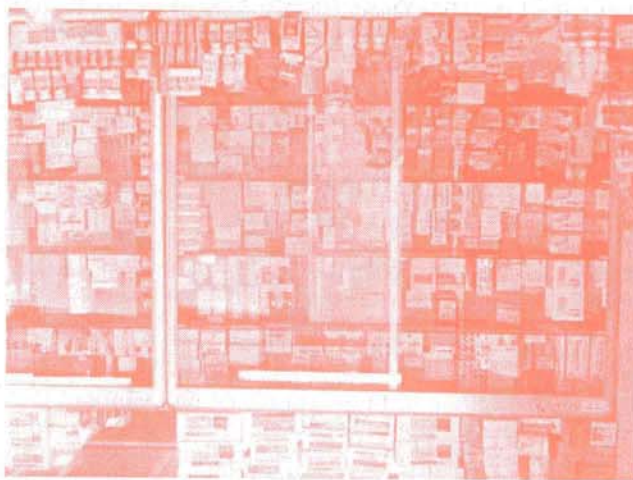
nuôi trồng phát triển những sản phẩm từ cây dược liệu, phù hợp với xu hướng chung trên thế giới trở về những sản phẩm thiên nhiên, có nguồn gốc cây con. Nếu biết khai thác, đây là thế mạnh chẳng những trong nước mà còn xuất khẩu mang ngoại tệ về cho đất nước, giải quyết công việc làm, lao động nhàn rỗi trong nông dân. Với vị trí biên giới giáp Lào, Campuchia, là những nước có nền công nghiệp-dược chưa phát triển mạnh cũng là cơ hội giúp các sản phẩm của ngành dược Việt Nam vượt ra biên giới đến tay người tiêu dùng nước bạn.

Tuy nhiên, khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, thay đổi bất thường là nguy cơ đe dọa các nhà sản xuất dược phẩm trong việc đảm bảo chất lượng trong quá trình sản xuất và phân phối đến tay người tiêu dùng. Những khó khăn này có thể được khắc phục được vì sự phát triển của khoa học kỹ thuật ngành dược thế giới, chính sách mở cửa của Việt Nam đã tạo điều kiện cho ngành dược Việt Nam tiếp cận, ứng dụng, đầu tư chiều sâu cho nghiên cứu và phát triển. Đây là thời cơ tốt, tiết kiệm công sức, thời gian cho các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh dược phẩm Việt Nam. Để có thể hoà nhập vào khu vực, để nâng sức cạnh tranh của dược phẩm Việt Nam, các XN đã đầu tư xây dựng nhà máy theo tiêu chuẩn GMP ASEAN. Đến 30.6.2000 đã có 19 cơ sở được Bộ y tế cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP (trong đó có 7 cơ sở đầu tư nước ngoài, 8 cơ sở thuộc trung ương, 3 cơ sở của tỉnh và 1 công ty trách nhiệm hữu hạn).

Tuy nhiên, năng lực tài chính có hạn, thiếu cán bộ kỹ thuật cao, chuyên gia giỏi, khả năng quản lý có hạn là những thách thức lớn đặt ngành dược Việt Nam trước nguy cơ xâm nhập của hàng ngoại ngày càng nhiều, nền khoa học kỹ thuật hiện tại của nước ngoài dễ dàng bóp chết ngành dược Việt Nam non trẻ hiện nay.

Cùng với những vấn đề trên, xu hướng toàn cầu hoá, đang tác động rất lớn đến các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam.

Tiến trình gia nhập AFTA, tự do hoá thương mại đang ngày một gần hơn, đòi hỏi ngành dược Việt Nam phải chủ động đề ra chiến lược phát triển trong hoàn cảnh thực tại. Thiếu kinh nghiệm trong kinh doanh thương trường quốc tế, hàng hoá đơn điệu chủ yếu là generic, vốn ít, công nghệ lạc hậu, trình độ tiếp thị non kém sẽ là những nguy cơ thua thiệt của doanh nghiệp dược Việt Nam không chỉ ở thị trường nước ngoài mà cả thị trường nội địa. Bởi vậy việc nghiên cứu để đánh giá đúng các cơ hội và nguy cơ của môi trường là cần thiết để góp phần xây dựng các chiến lược phát triển có tính khả thi cao cho ngành dược Việt Nam ■



Ước tính năm 2000